

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng**  
**Dự án Hoàn thiện hệ thống cống Nam Đàn, tỉnh Nghệ An**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3099/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021, số 2741/QĐ-BNN-KH ngày 19/7/2022 phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hoàn thiện hệ thống cống Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; số 1800/QĐ-BNN-KHCN ngày 20/5/2022 phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hoàn thiện hệ thống cống Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;*

*Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh Nghệ An: Số 2334/UBND-NN ngày 11/4/2019 về việc thực hiện dự án Hoàn thiện hệ thống cống Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;*

*Xét Tờ trình số 123/TTr-CTN ngày 12/7/2022 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An về việc trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt Dự án Hoàn thiện hệ thống cống Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, kèm theo hồ sơ thiết kế, thẩm tra;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 803/BC-XD-TĐ ngày 13/7/2022 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hoàn thiện hệ thống cống Nam Đàn, tỉnh Nghệ An với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Hoàn thiện hệ thống cống Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

**2. Người quyết định đầu tư:** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**3. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An.

**4. Mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô đầu tư xây dựng:**

4.1. Mục tiêu, nhiệm vụ dự án: Cùng các công trình khác thực hiện nhiệm vụ dự án Nâng cấp, mở rộng cống Nam Đàn giai đoạn 1, cấp nước tưới cho khoảng 22.650ha đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp và sinh hoạt của các huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc, thị xã Cửa Lò và thành phố Vinh.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Biện pháp công trình: Nạo vét, gia cố một số đoạn sạt lở; xây dựng mới trạm bơm tưới.

b) Quy mô và các thông số cơ bản: *(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).*

- Phần kênh dẫn sau cống Nam Đàn (kênh Thấp):

+ Nạo vét lòng kênh đoạn từ K1+231 đến K18+207: Chiều dài khoảng 17km; bề rộng đáy kênh từ (12;-18)m, lưu lượng thiết kế đầu kênh  $Q_{TK}=40,55m^3/s$ ;

+ Gia cố hai bên mái kênh đoạn từ K1+231 đến K2+731: Chiều dài gia cố khoảng 3,0 km (02 mái kênh), hệ số mái  $m=2$ : (i) Kết cấu chân mái: Dầm BTCT kích thước (50x70) cm, cao trình đỉnh dầm từ -1,88 m đến -1,99m; đáy dầm gia cố bằng cọc tre dài 3m, mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>; (ii) Kết cấu mái: Từ cao trình đỉnh dầm đến cao trình gia cố (+1,93 ÷ +1,81)m là tấm BTCT đổ tại chỗ, dày 15cm; từ cao trình gia cố đến đỉnh bờ kênh là tấm bê tông碌 lãng đục lỗ trồng cỏ;

+ Bờ kênh: Làm đường thi công kết hợp đường quản lý, mặt đường gia cố bằng bê tông xi măng;

+ Công trình trên kênh: Xây dựng mới 04 cống tiêu.

- Trạm bơm:

Xây dựng mới 07 trạm bơm trên nền trạm cũ, lắp đặt thay thế các máy bơm mới; cụ thể như sau: Trạm bơm số 6 gồm 02 máy, lưu lượng trạm khoảng 3.000 m<sup>3</sup>/h; trạm bơm số 8 gồm 03 máy, lưu lượng trạm khoảng 5.000 m<sup>3</sup>/h; các trạm bơm số 7, số 9, số 10, số 11 và số 12 mỗi trạm gồm 02 máy, lưu lượng trạm khoảng 2.200 m<sup>3</sup>/h; *(Chi tiết xem Bảng 4 Phụ lục I).*

Nhà trạm: Nhà 2 tầng, cao 5,95 m có sàn chống lũ; kích thước trạm bơm số 8 ( $D \times R = 11,3 \times 5$ ) m, các trạm còn lại ( $D \times R = 8,55 \times 5$ ) m; Kết cấu khung dầm sàn BTCT M250; móng trụ gia cố cọc BTCT M300 kích thước 30x30cm dài 7m; tường bao gạch xây vữa xi măng M75 dày 22cm; bể hút và bể xả bằng BTCT M250. Nhà quản lý: Mỗi trạm bơm bố trí 01 nhà quản lý cấp 4 một tầng, diện tích sử dụng khoảng 75 m<sup>2</sup>; Kết cấu khung dầm BTCT M250; tường bao gạch xây vữa xi măng M75 dày 22cm;

Đường quản lý: Mỗi trạm bơm có một đường quản lý vận hành với tổng chiều dài khoảng 2.129m. Chiều rộng mặt đường  $B = 3,5$ m, chiều rộng nền đường  $B = 4,5$ m. Kết cấu mặt đường bằng BT M250 dày 20cm, trên nền lớp móng đá dăm đệm 4x6cm dày 15cm. Độ dốc ngang đường  $i = 2\%$  và lề đường  $i = 3\%$  về hai phía.

- Thiết bị công nghệ:

+ Công trình trên kênh: Cửa van bằng thép hoặc composite, đóng mở bằng máy vít V5 hoặc tự động (*Chi tiết xem Bảng 3 Phụ lục I*).

+ Trạm bơm:

Thiết bị chính: Máy bơm ly tâm trục ngang đồng bộ hoặc máy bơm hướng trục buồng xoắn trục ngang đồng bộ, phù hợp cho từng trạm;

Thiết bị phụ: Máy bơm mỗi  $Q = 200 \text{ m}^3/\text{h}$ , cầu trục 5 tấn cho mỗi trạm;

Thiết bị điện: Hệ thống tủ bảng điện các loại cho mỗi trạm (*Chi tiết xem Bảng 5 Phụ lục I*).

**5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế cơ sở:** Liên danh Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển môi trường nông công nghiệp Rạng Đông và Công ty Cổ phần tư vấn và Xây dựng công trình Miền Trung.

#### **6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:**

- Địa điểm xây dựng: Huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Diện tích sử dụng đất: 10,69ha.

#### **7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:**

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Cấp công trình và tần suất thiết kế: Kênh chính cấp II; Trạm bơm: cấp IV; tần suất đảm bảo cấp nước tưới  $P = 85\%$ .

**8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:**

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công).
- Danh mục tiêu chuẩn được áp dụng: *(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*.

**9. Khối lượng chính:**

| TT | Hạng mục         | Đơn vị         | Khối lượng chính |
|----|------------------|----------------|------------------|
| 1  | Đất đào các loại | m <sup>3</sup> | 378.606          |
| 2  | Đất đắp các loại | m <sup>3</sup> | 42.969           |
| 3  | Bê tông các loại | m <sup>3</sup> | 18,935           |
| 4  | Thép các loại    | Tấn            | 412,0            |
| 5  | Đá xây lát       | m <sup>3</sup> | 11.820           |
| 6  | Cọc tre          | 100m           | 183,4            |

**10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:**

Tổng mức đầu tư: **190.000.000.000 đồng** (*Một trăm chín mươi tỷ đồng chẵn*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 138.550.634.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 11.661.937.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 2.037.429.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 10.824.005.000 đồng;
- Chi phí khác: 2.140.162.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 24.785.833.000 đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

**11. Tiến độ thực hiện dự án:** Từ năm 2022 đến năm 2025.**12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:**

## a) Nguồn vốn đầu tư:

Vốn NSNN do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý là 190.000.000.000 đồng;

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: 190,0 tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025.

**13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.**14. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:**

- Phạm vi giải phóng mặt bằng, gồm: Mặt bằng nạo vét, gia cố kênh hiện có, 07 trạm bơm hiện có, các đường thi công kết hợp quản lý, khu phụ trợ, tổng cộng khoảng 10,69 ha (công trình 2,49ha; bãi thải 8,2ha);

- Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Diện tích chiếm đất này nằm trong khuôn viên công trình hiện có, nên không phải bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

### **15. Những lưu ý giai đoạn sau:**

- Khảo sát địa hình, địa chất theo đúng các quy định hiện hành để nghiên cứu, tính toán, lựa chọn tối ưu giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục, đảm bảo an toàn công trình, hiệu quả kinh tế, thuận lợi khi khai thác vận hành;

- Về việc lựa chọn máy bơm: lựa chọn loại máy bơm thông dụng trên thị trường, đảm bảo vận hành thuận tiện trong quá trình máy bơm hoạt động;

- Chiều dài cọc BTCT xử lý nền các trạm bơm sẽ được quyết định khi có kết quả đóng, ép thử tại hiện trường;

- Thiết kế các biện pháp thi công kênh Thấp và công trình trên kênh đảm bảo phù hợp với điều kiện vừa thi công vừa phục vụ tưới;

- Lập quy trình kỹ thuật vận hành theo đúng các quy định hiện hành;

- Xác định cụ thể khối lượng đào, đắp đất bằng biện pháp đào máy hoặc thủ công, cự ly vận chuyển đào, đắp đất để làm cơ sở nghiệm thu thanh toán, quyết toán công trình theo quy định;

- Tổ chức lập Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng;

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư trong quản lý chi phí, đấu thầu:

+ Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ các hạng mục công việc của dự án theo quy định tại Điều 33 Luật đấu thầu, trừ các hạng mục công việc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật đấu thầu.

+ Trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư đã được phê duyệt (bao gồm cả trường hợp phần điều chỉnh tăng bằng phần điều chỉnh giảm), báo cáo Bộ xem xét, quyết định trước khi triển khai theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định nêu trên.

+ Lập, phê duyệt, cập nhật tổng dự toán của dự án và phê duyệt dự toán các hạng mục chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều 11, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP làm cơ sở quản lý chi phí của dự án. Đối với các hạng mục chi phí được tạm tính tại tổng mức đầu tư, Chủ đầu tư báo cáo Bộ có ý kiến

về dự toán trước khi phê duyệt.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. UBND tỉnh Nghệ An: Chỉ đạo các ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An trong quá trình thi công xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ.

2. Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

3. Cục Quản lý Xây dựng công trình là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

4. Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An; Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Sở NN&PTNT Nghệ An;
- Kho bạc NN Nghệ An;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Hiệp**